

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HSST
Ngày 23/7/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đức

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thanh Minh

2/ Ông Phạm Mạnh Biện

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Phong – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Nơi cư trú: Tổ 08, ấp T K, xã T L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông: Nguyễn Văn S, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Trần Thị K, sinh năm 1946; Có 05 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất là bị cáo; có chồng tên: Nguyễn Minh T, sinh năm 1993 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 31/12/2017 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 16/4/2019 bị khởi tố và cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

2/ Nguyễn Minh T, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Tổ 08, ấp T K, xã T L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960; Có 04 anh, chị, em. Lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất là bị cáo; Có vợ tên: Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; Có 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 31/12/2017 thực hiện hành vi lừa đảo

chiếm đoạt tài sản, ngày 16/4/2019 bị khởi tố và cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt.

** Bị hại:*

Công ty Tài chính TNHH HD S

Địa chỉ: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà G, 24C P Đ L, quận B T, Thành Phố Hồ chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hữu N** – Chức vụ: Giám đốc Công ty Tài chính TNHH HD S

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Xuân T** – Chức vụ: Trưởng nhóm điều tra gian lận của Công ty Tài chính TNHH HD S

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1 Ông **Vũ Quốc K**, sinh năm 1977 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp T T, xã T L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

2/ Ông: **Phạm Quốc V**, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)

3/ Bà: **Trần Thị Thanh N**, sinh năm 1980 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng có nơi cư trú: 98/2, tổ 3, khu phố P X, phường P T, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Người làm chứng:

Bà: **Phạm Thị Trà M**, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 7, ấp T T, xã T L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 11/2017, bị cáo Nguyễn Thị H đến phòng công chứng Vũ Thị L thuộc khu phố P T, phường H C, thị xã B L để công chứng giấy tờ. Khi xong việc, ra về thì bị cáo H nhìn thấy một chiếc túi nilon ở trên đường, bên trong túi có 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Thanh N, sinh năm 1984; 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Quốc V, sinh năm 1980 đều có hộ khẩu thường trú tại tổ 03, khu phố P X, phường P T, thị xã B L, tỉnh Bình Phước và 01 Sổ hộ khẩu gia đình số 100061346 do anh Phạm Quốc V là chủ hộ. Bị cáo H nhặt mang về nhà để trong tủ gỗ ở phòng ngủ. Đến tháng 12/2017, bị cáo T tình cờ thấy số giấy tờ trên nên bàn bạc với bị cáo H thay vào hình ảnh của bị cáo T và bị cáo H vào hình của anh V và chị N trên giấy chứng minh nhân dân nhặt được, sau đó bán lại lấy tiền chi tiêu sinh hoạt cá nhân thì bị cáo H đồng ý

Ngày 31/12/2017, bị cáo Trí và bị cáo H sử dụng giấy chứng minh nhân dân của anh V và chị Nguyễn đã thay hình ảnh của bị cáo T và bị cáo H vào cùng đến cửa hàng điện tử, điện lạnh “Khánh” tại tổ 4, ấp T T, xã T L, thị xã B L. Tại đây, hai bị cáo gặp chị Phạm Thị H là vợ của anh Vũ Quốc K (chủ cửa hàng) hỏi thủ tục mua trả góp tủ lạnh AQUA. Chị H yêu cầu hai bị cáo đưa sổ hộ khẩu cùng giấy tờ tùy thân thì bị cáo H đưa giấy chứng minh nhân dân của anh V và chị N nhưng đã được thay ảnh của bị cáo T và bị cáo H cho chị H, sau đó chị H gọi điện cho nhân viên công ty tài chính TNHH HD S là Phạm Thị Trà M đến cửa hàng “Khánh” để làm thủ tục cho vay trả góp. Tại cửa hàng, chị M đối chiếu giấy chứng minh nhân dân của khách hàng tên Phạm Quốc V và Trần Thị Thanh N trùng với sổ hộ khẩu của người đến làm thủ tục mua trả góp nên báo cho Công ty tài chính TNHH HD S để xác nhận thủ tục cho vay tiền mua sản phẩm trả góp. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Công ty tài chính TNHH HD S duyệt hợp đồng cho vay nên chị M báo lại cho chị H biết để thông báo cho khách hàng là Phạm Quốc V (Nguyễn Minh T giả mạo trong CMND) đến làm thủ tục mua trả góp tủ lạnh nhãn hiệu AQUA. Trong tối 31/12/2017 chị H gọi điện cho bị cáo T biết hợp đồng vay tiền trả góp đã được Công ty tài chính TNHH HD S duyệt và sáng hôm sau ngày 01/01/2018, bị cáo T quay lại cửa hàng, kí hợp đồng mua trả góp tủ lạnh nhãn hiệu AQUA với giá bán là 13.590.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*), bị cáo T trả trước số tiền mặt 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) và vay trả góp số tiền 9.590.000 đồng (*Chín triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng*). Vay trong thời hạn 08 tháng với lãi suất 4,68%/tháng, trả góp gốc và lãi mỗi tháng với số tiền 1.516.000 đồng (*Một triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng*). Sau khi hoàn tất thủ tục, bị cáo T mang tủ lạnh AQUA về nhà ở tổ 08, ấp T K, xã T L, thị xã B L sử dụng đến khoảng tháng 12/2018 do tủ lạnh AQUA bị hư hỏng, bị cáo T bán cho người thu mua phế liệu không rõ lai lịch với số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Ngày 14/3/2019, anh Nguyễn Xuân T (Đại diện Công ty tài chính TNHH HD S) tố cáo hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của hai bị cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Bình Long. Quá trình điều tra hai bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tang vật của vụ án:

Đối với 01 Tủ lạnh AQUA bị cáo Trí đã bán phế liệu cho một người không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân của Phạm Quốc V và 01 Giấy chứng minh nhân dân của Trần Thị Thanh N hai bị cáo khai nhận đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với 01 Sổ hộ khẩu số 100061346 do anh Phạm Quốc V đứng tên chủ hộ hai bị cáo sử dụng vào việc phạm tội đã được xử lý tại bản án số 09/2019/HSST ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long.

Trách nhiệm dân sự

Bị hại Công ty tài chính TNHH HD S yêu cầu bị cáo Nguyễn Minh T và bị cáo Nguyễn Thị H phải liên đới trả lại cho Công ty tài chính TNHH HD SAISON số tiền 12.762.300 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm đồng*). Trong đó bao gồm cả tiền gốc vay và tiền lãi.

Tại bản cáo trạng số 32/CT – VKSBL ngày 27/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long truy tố bị cáo Nguyễn Thị H và bị cáo Nguyễn Minh T về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hai bị cáo đồng ý với bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tại phiên tòa. Hai bị cáo không tranh luận gì, lời nói sau cùng hai bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử xử nhẹ cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bình Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của hai bị cáo: Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay, hai bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Đó là nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản nên vào ngày 31/12/2017 tại cửa hàng điện tử,

điện lạnh “Khánh” ở tổ 4, ấp T T, xã T L, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, hai bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng minh nhân dân của anh Phạm Quốc V và chị Trần Thị Thanh N do bị cáo H nhật được, thay hình của hai bị cáo vào để làm thủ tục vay trả góp 9.590.000 đồng (*Chín triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng*) của Công ty tài chính TNHH HD S để mua 01 tủ lạnh nhãn hiệu AQua. Sau khi mua được tủ lạnh sử dụng một thời gian, hai bị cáo mang đi bán và không trả tiền góp hàng tháng cho Công ty tài chính TNHH HD S. Lời khai nhận tội của hai bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại. Phù hợp với thời gian địa điểm xảy ra vụ án, với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với kết luận điều tra, cáo trạng và kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Khi thực hiện hành vi phạm tội, hai bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long truy tố hai bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tại phiên tòa xét xử công khai hôm nay có đầy đủ cơ sở khách quan kết luận hai bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Minh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hai bị cáo theo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 139, các điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 07 đến 12 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 139, các điểm b, p, h Khoản 1 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 06 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Ghi nhận việc hai bị cáo tự nguyện bồi thường cho bị hại Công ty tài chính TNHH HD S số tiền 12.762.300 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm đồng*) và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chi trả cho bị hại Công ty tài chính TNHH HD S số tiền 12.762.300 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm đồng*) hai bị cáo đã giao nộp.

[4] Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với hai bị cáo:

Hành vi phạm tội của hai bị cáo là lừa đảo, xem thường pháp luật, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn do hai bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Minh T là vợ chồng cùng thực hiện với lỗi cố ý, có giai đoạn chuẩn bị phạm tội rõ ràng, tội phạm đã hoàn thành. Để có cơ sở quyết định hình phạt cần phân tích, nhận định vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị H, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Lẽ ra, khi nhận được giấy Chứng minh nhân dân của anh Phạm Quốc V và chị Trần Thị Thanh N cùng với Sổ hộ khẩu gia đình của anh V và chị N bị cáo phải tìm cách trả lại cho anh V và chị N hoặc giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền. Trái lại, bị cáo mang về nhà cất giữ, khi bị cáo T bàn bạc với bị cáo sử dụng giấy chứng minh nhân dân của anh V và chị N thay hình ảnh của bị cáo T và bị cáo vào rồi dùng đi mua hàng trả góp, sau đó bán lại lấy tiền tiêu xài thì bị cáo lại đồng ý và chính bị cáo người trực tiếp cùng bị cáo T đến cửa hàng điện tử, điện Lạnh “Khánh” để hỏi thủ tục mua hàng trả góp và cũng chính bị cáo là người đưa giấy chứng minh nhân dân (bản photo) của anh V và chị N đã thay hình ảnh của bị cáo T và bị cáo vào cho nhân viên của Công ty tài chính TNHH HD S lưu giữ khi thực hiện hợp đồng cho vay.

Xét về nhân thân của bị cáo, ngày 22/3/2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Bình Long xét xử và tuyên phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số 09/2019/HSST. Tuy nhiên, hành vi phạm tội bị xét xử tại bản án 09/2019/HSST ngày 22/3/2019 bị cáo thực hiện vào ngày 04/01/2018 là sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị đưa ra xét xử lần này (ngày 31/12/2017). Do đó hội đồng xét xử không xác định bản án 09/2019/HSST ngày 22/3/2019 là tiền án đối với bị cáo và cũng không xác định bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách nhưng xem xét đó là tình tiết nhân thân xấu đối với bị cáo. Hội đồng xét xử cần xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm răn đe giáo dục bị cáo và làm gương cho người khác.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình điều tra và truy tố bị cáo và bị cáo T đã nộp số tiền 12.762.300 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm đồng*) để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được

quy định tại các điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh T, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Lẽ ra, khi phát hiện được giấy Chứng minh nhân dân của anh Phạm Quốc V và chị Trần Thị Thanh N cùng với Sổ hộ khẩu gia đình của anh V và chị N do bị cáo H nhét được để trong tủ gỗ ở phòng ngủ thì bị cáo phải khuyên bị cáo H trả lại cho anh V và chị N hoặc giao nộp cho cơ quan có thẩm quyền. Trái lại, do tham lam, tư lợi cá nhân, muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động nên bị cáo bàn bạc với bị cáo H sử dụng giấy chứng minh nhân dân của anh V và chị N thay hình ảnh của bị cáo và bị cáo H vào rồi dùng đi mua hàng trả góp, sau đó bán lại lấy tiền chi tiêu sinh hoạt cá nhân. Chính bị cáo là người thực hiện việc thay hình ảnh của mình và của bị cáo H vào giấy chứng minh nhân dân của anh V và chị N, khi thực hiện hành vi phạm tội cũng chính bị cáo là người đứng ra ký kết hợp đồng vay trả góp với bị hại. Do đó Hội đồng xét xử cần xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình điều tra và truy tố bị cáo và bị cáo H đã nộp số tiền 12.762.300 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm đồng*) để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng. Đồng thời bị cáo và bị cáo H là vợ chồng và đang nuôi con nhỏ (sinh ngày 27/4/2018) Do đó, không cần cách ly bị cáo T ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo T hình phạt tù có thời hạn nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với hai

bị cáo là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về tang vật của vụ án:

Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân của Phạm Quốc V và 01 Giấy chứng minh nhân dân của Trần Thị Thanh N hai bị cáo khai nhận đã làm mất và 01 Tủ lạnh AQUA sau khi mua, bị cáo Trí đã bán phế liệu cho một người không biết nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra không thu hồi được do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 Sổ hộ khẩu số 100061346 do anh Phạm Quốc V đứng tên chủ hộ hai bị cáo sử dụng vào việc phạm tội đã được xử lý tại bản án số 09/2019/HSST ngày 22/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Công ty tài chính TNHH HD S yêu cầu hai bị cáo liên đới bồi thường số tiền 12.762.300 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm đồng*) bao gồm tiền gốc vay và tiền lãi. Tại phiên tòa, hai bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền trên theo yêu cầu của bị hại. Xét thấy việc hai bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 12.762.300 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm đồng*) là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã Hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận và căn chi trả bồi thường cho bị hại số tiền 12.762.300 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm đồng*) hai bị cáo giao nộp.

Đối với việc hai bị cáo mua chiếc tủ lạnh nhãn hiệu AQua của Cửa hàng điện tử, điện Lạnh “Khánh” với giá 13.590.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng*), hai bị cáo trả trước số tiền mặt 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) còn lại số tiền 9.590.000 đồng (*Chín triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng*). Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 20/6/2019 và tại đơn xin vắng mặt ghi ngày 22/7/2019 ông Vũ Quốc K là chủ kinh doanh Cửa hàng điện tử, điện Lạnh “Khánh” trình bày “*Sau khi bị cáo ký kết hợp đồng vay trả góp, Công ty Tài chính TNHH HD SAISON đã thanh toán đủ số tiền hai bị cáo còn nợ lại cho Cửa hàng điện tử, điện Lạnh “Khánh” nên Cửa hàng điện tử, điện Lạnh “Khánh” không có tranh chấp và không có yêu cầu gì*” Vì vậy, hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định “*Người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm*” “*Án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng*”. Do đó, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm

Các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về xử lý trách nhiệm dân sự và án phí là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị H** và bị cáo **Nguyễn Minh T** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 139, các điểm b, p Khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 139, các điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46, Điều 20, điều 53, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Minh T về Ủy ban nhân dân xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Xử lý trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 584, Điều 589 Bộ Luật dân sự năm 2015

Ghi nhận sự tự nguyện của hai bị cáo về việc đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền 12.762.300 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm đồng*) theo yêu cầu của bị hại Công ty tài chính TNHH HD S. Chi trả bồi thường cho bị hại Công ty tài chính TNHH HD S số tiền 12.762.300 đồng (*Mười hai triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm đồng*) hai bị cáo đã giao nộp.

(Số tiền trên hiện đang kèm theo hồ sơ vụ án)

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Xử lý án phí sơ thẩm:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và Danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H và Nguyễn Minh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Công an thị xã Bình Long;
- THA DS thị xã Bình Long;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ công an tỉnh Bình Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nguyễn Hữu Đức